

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/DS-ST
Ngày: 21 - 8 - 2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: ông Văn Anh Trinh và bà Trần Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Mỹ Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Trần Quang Hiếu, kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-DS ngày 28/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2024/QĐST-TCDS ngày 17/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (MB),

Địa chỉ: Số A L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội; là nguyên đơn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Q1 và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Q, địa chỉ: số C L, phường L, quận B, TP H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Anh D – Chức vụ: Tổng Giám đốc (Theo Hợp đồng ủy quyền số 129/UQ.MB-MBAMC ngày 13/4/2023 của Ngân hàng TMCP Q)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Đ - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Công ty M; (Theo văn bản ủy quyền số 2470.2/UQ-MBAMC ngày 13/4/2023 của ông Phạm Văn P với Giám đốc chi nhánh về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án đối với các vụ việc MB bàn giao cho Công ty M1), Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Trương Phương N và Hoàng Văn N1, Chuyên viên xử lý nợ. Theo văn bản số 875/UQ-MBAMC ngày 31/8/2023; địa chỉ: Tầng C, A L, H, quận H, thành phố Đ, có mặt

- Đồng bị đơn: Bà Trần Thị Thu H và ông Mai Văn H1; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Văn V và bà Đỗ Thị H2; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2024, các bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, phía nguyên đơn ông N trình bày: Ông Mai Văn H1, bà Trần Thị Thu H (Bên vay đồng thời là bên thế chấp) và Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh Q2 (Bên cho vay - M2) đã cùng ký kết Hợp đồng tín dụng 3395.22.510.17361917.TD ngày 15/4/2022 cùng văn bản nhận nợ cụ thể như sau: Số LD2218298203, số dư nợ ban đầu: 150.000.000 đồng, ngày giải ngân 01/7/2022; Văn bản nhận nợ số LD2303065454, dư nợ ban đầu 2.250.000.000 đồng, ngày giải ngân 30/01/2023; Văn bản nhận nợ số LD2214450987, dư nợ ban đầu 100.000.000 đồng, ngày giải ngân 24/05/2022. Tổng số tiền giải ngân là 2.500.000.000 đồng.

Để bảo đảm khoản vay ông Mai Văn H1, bà Trần Thị Thu H đã thế chấp các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 532, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 936021, số vào sổ cấp GCN: CS 03274 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/11/2020, đứng tên ông Mai Văn V và bà Đỗ Thị H2. Việc thế chấp đã được ông Mai Văn V, bà Đỗ Thị H2 và M2 ký Hợp đồng thế chấp số 19080.22.510.17361917.BĐ ngày 15/4/2022 được công chứng tại Phòng C tỉnh Quảng Bình và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Q theo đúng quy định của Pháp luật.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 531, tờ bản đồ số 10, diện tích 210,7m², địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 936020, số vào sổ cấp GCN: CS 032734 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/11/2020 đứng tên ông Mai Văn H1. Việc thế chấp đã được Mai Văn H1 và M2 ký Hợp đồng thế chấp số 19077.22.510.17361917.BĐ ngày 24/02/2022 được công chứng tại Phòng C tỉnh Quảng Bình và được đăng ký Giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Q theo đúng quy định của Pháp luật.

Sau khi vay vốn, ông Mai Văn H1, bà Trần Thị Thu H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo như cam kết trong (các) Hợp đồng tín dụng và (các) Khế ước nhận nợ nêu trên. Đến nay toàn bộ khoản vay đã quá hạn nhưng ông Mai Văn H1, bà Trần Thị Thu H vẫn không thực hiện việc tắt toán khoản vay mà cố tình trốn tránh trả nợ. Tạm tính đến ngày 21/8/2024, dư nợ của ông Mai Văn H1, bà Trần Thị Thu H tại M2 theo (các) Hợp đồng cho vay nêu trên như sau: 2.968.275.044 đồng, trong đó nợ gốc 2.455.499.829 đồng, nợ lãi trong hạn 112.332.854 đồng, nợ lãi quá hạn: 400.442.361 đồng

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông Mai Văn H1, bà Trần Thị Thu H ý để yêu cầu trả nợ nhưng bên vay không thực hiện và cố tình chây ì không hợp tác. Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã gửi thông báo khởi kiện đến khách hàng theo đúng quy định.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày trên Ngân hàng thương mại cổ phần Q kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình thụ lý vụ án

và xem xét giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn: Buộc bên vay là ông Mai Văn H1, bà Trần Thị Thu H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q (các) khoản nợ theo (các) Hợp đồng tín dụng cùng (các) Khế ước nhận nợ đính kèm đã ký giữa hai bên với số tiền tạm tính đến hết ngày 21/8/2024 là 2.968.275.044 đồng (Hai tỷ, chín trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc 2.455.499.829 đồng (Hai tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn 112.332.854 đồng (Một trăm mười hai triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm năm mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn: 400.442.361 đồng (Bốn trăm triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi mốt đồng).

Buộc Bên vay là ông Mai Văn H1, bà Trần Thị Thu H phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ lãi, tiền phạt phát sinh tính theo lãi suất thỏa thuận quy định tại (các) Hợp đồng tín dụng cùng (các) khế ước nhận nợ đính kèm đã ký kể từ ngày 22/8/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Nếu ông Mai Văn H1, bà Trần Thị Thu H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên cho MB, thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Q có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho MB, tài sản bảo đảm là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 532, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 936021, số vào sổ cấp GCN: CS 03274 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/11/2020, đứng tên ông Mai Văn V và bà Đỗ Thị H2. Việc thế chấp đã được ông Mai Văn V, bà Đỗ Thị H2 và M2 ký Hợp đồng thế chấp số 19080.22.510.17361917.BĐ ngày 15/4/2022 được công chứng tại Phòng C tỉnh Quảng Bình.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 531, tờ bản đồ số 10, diện tích 210,7m², địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 936020, số vào sổ cấp GCN: CS 032734 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/11/2020 đứng tên ông Mai Văn H1. Việc thế chấp đã được Mai Văn H1 và M2 ký Hợp đồng thế chấp số 19077.22.510.17361917.BĐ ngày 24/02/2022 được công chứng tại Phòng C tỉnh Quảng Bình.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Mai Văn H1, bà Trần Thị Thu H đối với MB. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà ông Mai Văn H1, bà Trần Thị Thu H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho MB.

Ý kiến của ông Mai Văn H1 và bà Trần Thị Thu H: Ngày 15/4/2022 vợ chồng ông H1 Bà H có ký hợp đồng cho vay vốn với Ngân hàng Thương mại cổ phần Q chi nhánh Q2 để vay số tiền 3.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn: Cấp hạn mức tín dụng bổ sung với phục vụ hoạt động kinh doanh nuôi tôm, thời hạn của khoản vay hạn mức 11 tháng, lãi suất tính biến động theo tháng.

Sau khi làm Hợp đồng vay vốn vợ chồng ông H1 bà H đã ký hợp đồng thế chấp tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 532, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 936021, số vào sổ cấp GCN: CS 03274 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/11/2020, đứng tên ông Mai Văn V và bà Đỗ Thị H2.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 531, tờ bản đồ số 10, diện tích 210,7m², địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 936020, số vào sổ cấp GCN: CS 032734 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/11/2020 đứng tên ông Mai Văn H1.

Trong thời gian vay vốn vợ chồng ông H1, bà H đã thanh toán được 500.000.000 đồng tiền gốc, do thời gian nay làm ăn khó khăn nên vợ chồng tôi chưa có điều kiện thanh toán tiếp tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Nay Ngân hàng TMCP Q Chi nhánh Q2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Tôi phải trả số tiền gốc và lãi đến ngày 24/6/2024 là 2.916.676.659 đồng (Hai tỷ chín trăm mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 2.455.499.829 đồng, nợ lãi tạm tính là 461.176.830 đồng. Vợ chồng có nguyện vọng mong muốn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q Chi nhánh Q2 tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị được làm thủ tục vay lại và kéo dài thời gian trả nợ, để vợ chồng cố gắng làm ăn có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q Chi nhánh Q2

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Mai Văn V và bà Đỗ Thị H2:

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 10/6/2024, ông V trình bày có ký hợp đồng thế chấp thửa đất 532 tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 936021, số vào sổ cấp GCN: CS 03274 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/11/2020, đứng tên ông Mai Văn V và bà Đỗ Thị H2 với Ngân hàng thương mại cổ phần Q chi nhánh Q2 để cho vợ chồng Mai Văn H1 và Trần Thị Thu H vay số tiền 3.000.0000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng 3395.22.510.17361917.TD ngày 15/4/2022. Nay ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Hiện nay vợ ông bà Đỗ Thị H3 đã đi làm ăn xa tại P, tỉnh Kiên Giang nhưng không rõ địa chỉ chỗ nào.

Tòa án đã tổ chức các buổi hòa giải cho các đương sự thỏa thuận giải quyết vụ án, tuy nhiên các bên đương sự không đi đến thỏa thuận thống nhất lộ trình thời gian trả nợ và giải quyết toàn bộ vụ án nên việc hòa giải không thành.

Tòa án cũng đã tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 532, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 936021, số vào sổ cấp GCN: CS 03274 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/11/2020, đứng tên ông Mai Văn V và bà Đỗ Thị H2 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 531, tờ bản đồ số 10,

diện tích 210,7m², địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 936020, số vào sổ cấp GCN: CS 032734 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/11/2020 đứng tên ông Mai Văn H1. Theo Biên bản thẩm định và sơ đồ thẩm định ngày 10/6/2024 thì hiện trạng sử dụng các thửa đất trên phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thửa đất 532 có 01 ngôi nhà 1 tầng, diện tích 137,4m², 01 ngôi nhà phụ lợp tôn diện tích 17,1m² và 01 mái tôn diện tích 68,7m². Thửa 531 không có tài sản xây dựng công trình cũng như cây trồng lâu năm trên đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với đương sự: phía nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Phía bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, 118, 119, 292, 293, 298, 299, 318, 319, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015; các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Mai Văn H1 và bà Trần Thị Thu H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tạm tính đến ngày 21/8/2024 số tiền là 2.968.275.044 đồng (Hai tỷ, chín trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc 2.455.499.829 đồng (Hai tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn 112.332.854 đồng (Một trăm mười hai triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm năm mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn: 400.442.361 đồng (Bốn trăm triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi một đồng) theo Hợp đồng tín dụng 3395.22.510.17361917.TD ngày 15/4/2022 cùng văn bản nhận nợ số LD2218298203, ngày 01/7/2022; Văn bản nhận nợ số LD2303065454, ngày 30/01/2023; Văn bản nhận nợ số LD2214450987, ngày 24/05/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trong trường hợp Buộc ông Mai Văn H1 và bà Trần Thị Thu H không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 532, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 936021, số vào sổ cấp GCN: CS 03274 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/11/2020, đứng tên ông Mai Văn V và bà Đỗ Thị H2. Việc thế chấp đã được ông Mai Văn V, bà Đỗ Thị H2 và M2 ký Hợp đồng thế chấp số 19080.22.510.17361917.BĐ ngày 15/4/2022 được công chứng tại Phòng C tỉnh Quảng Bình.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 531, tờ bản đồ số 10, diện tích 210,7m², địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 936020, số vào sổ cấp GCN: CS 032734 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/11/2020 đứng tên ông Mai Văn H1. Việc thế chấp đã được Mai Văn H1 và M2 ký Hợp đồng thế chấp số 19077.22.510.17361917.BĐ ngày 24/02/2022 được công chứng tại Phòng C tỉnh Quảng Bình.

Đề nghị Tòa án tuyên buộc bị đơn chịu nghĩa vụ về án phí, chi phí tố tụng khác theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q khởi kiện bị đơn ông Mai Văn H1 và bà Trần Thị Thu H yêu cầu thanh toán tiền vay do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị đơn có nơi cư trú tại thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, phiên tòa được mở lần thứ hai, Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng:

Nhận thấy ông Mai Văn H1, bà Trần Thị Thu H (Bên vay đồng thời là bên thế chấp) và Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh Q2 (Bên cho vay - M2) đã cùng ký kết Hợp đồng tín dụng 3395.22.510.17361917.TD ngày 15/4/2022 cùng văn bản nhận nợ cụ thể như sau: Số LD2218298203, số dư nợ ban đầu: 150.000.000 đồng, ngày giải ngân 01/7/2022; Văn bản nhận nợ số LD2303065454, dư nợ ban đầu 2.250.000.000 đồng, ngày giải ngân 30/01/2023; Văn bản nhận nợ số LD2214450987, dư nợ ban đầu 100.000.000 đồng, ngày giải ngân 24/05/2022. Tổng số tiền giải ngân là 2.500.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức : kể từ ngày giao kết Hợp đồng ngày 24/02/2024. Thời hạn của khoản vay trong hạn mức 11 tháng. Mục đích sử dụng vốn : Cấp hạn mức bổ sung vốn phục vụ hoạt động

kinh doanh nuôi tôm của khách hàng. Lãi suất: Lãi suất cho vay cố định trong suốt thời gian vay từ 7.25%/năm, đến 10%/ năm, lãi nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ trên, ông Mai Văn H1, bà Trần Thị Thu H đã ký kết Hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 532, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 936021, số vào sổ cấp GCN: CS 03274 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/11/2020, đứng tên ông Mai Văn V và bà Đỗ Thị H2. Việc thế chấp đã được ông Mai Văn V, bà Đỗ Thị H2 và M2 ký Hợp đồng thế chấp số 19080.22.510.17361917.BĐ ngày 15/4/2022 được công chứng tại Phòng C tỉnh Quảng Bình.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 531, tờ bản đồ số 10, diện tích 210,7m², địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 936020, số vào sổ cấp GCN: CS 032734 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/11/2020 đứng tên ông Mai Văn H1. Việc thế chấp đã được Mai Văn H1 và M2 ký Hợp đồng thế chấp số 19077.22.510.17361917.BĐ ngày 24/02/2022 được công chứng tại Phòng C tỉnh Quảng Bình.

Xét các Hợp đồng nêu trên được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện; về hình thức, nội dung, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp có đăng ký tài sản bảo đảm tại cơ quan thẩm quyền theo quy định của pháp luật; vì vậy các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký kết, các bên phải có trách nhiệm, nghĩa vụ thực hiện các điều khoản theo các Hợp đồng này.

Về lãi suất theo các Văn bản nhận nợ: Số LD2218298203, ngày 01/7/2022; Văn bản nhận nợ số LD2303065454, ngày 30/01/2023; Văn bản nhận nợ số LD2214450987, ngày 24/05/2022: Lãi suất cho vay cố định trong suốt thời gian vay là 7,2 %năm đến 10%/năm. Lãi suất nợ quá hạn = lãi suất trong hạn * 150% là phù hợp quy định theo Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên các thỏa thuận về lãi suất là hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh Q2 đã giải ngân cho ông Mai Văn H1 và bà Trần Thị Thu H theo Hợp đồng tín dụng 3395.22.510.17361917.TD ngày 15/4/2022 cùng văn bản nhận nợ cụ thể như sau: Số LD2218298203, số dư nợ ban đầu: 150.000.000 đồng, ngày giải ngân 01/7/2022; Văn bản nhận nợ số LD2303065454, dư nợ ban đầu 2.250.000.000 đồng, ngày giải ngân 30/01/2023; Văn bản nhận nợ số LD2214450987, dư nợ ban đầu 100.000.000 đồng, ngày giải ngân 24/05/2022. Tổng số tiền giải ngân là 2.500.000.000 đồng

Quá trình trả nợ, ông H1, bà H để quá hạn nợ gốc và tiền lãi từ ngày 01/4/2023. Tính đến ngày 21/8/2024, ông H1, bà H đã trả 44.500.171 đồng nợ gốc và 44.203.309 đồng lãi. Việc ông H1 bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại các Văn bản xác nhận nợ và trình bày do làm khó khăn và không có khả

năng trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, bị đơn đã vi phạm mục I và II Văn bản nhận nợ: Số LD2218298203, ngày 01/7/2022; Văn bản nhận nợ số LD2303065454, ngày 30/01/2023; Văn bản nhận nợ số LD2214450987, ngày 24/05/2022. và Điều 5 của Hợp đồng cho vay 3395.22.510.17361917.TD ngày 15/4/2022. Căn cứ theo thỏa thuận tại Điều 5 Hợp đồng tín dụng 3395.22.510.17361917.TD ngày 15/4/2022 và theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H1, bà H trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng 3395.22.510.17361917.TD ngày 15/4/2022 và các văn bản nhận nợ là có cơ sở. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về buộc ông Mai Văn H1 và bà Trần Thị Thu H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q, tạm tính đến ngày 21/8/2024 số tiền là: 2.968.275.044 đồng, trong đó nợ gốc 2.455.499.829 đồng, nợ lãi trong hạn 112.332.854 đồng, nợ lãi quá hạn: 400.442.361 đồng.

[3]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 19080.22.510.17361917.BĐ ngày 15/4/2022 và Hợp đồng thế chấp số 19077.22.510.17361917.BĐ ngày 24/02/2022 trong trường hợp ông H1, bà H không trả tiền gốc và nợ lãi phát sinh theo theo Hợp đồng tín dụng 3395.22.510.17361917.TD ngày 15/4/2022 cùng văn bản nhận nợ cụ thể như sau: Số LD2218298203, ngày 01/7/2022; Văn bản nhận nợ số LD2303065454, ngày 30/01/2023; Văn bản nhận nợ số LD2214450987, ngày 24/05/2022. Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 318, 319, 325 của Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 05 của HĐTD; Điều 05 của HĐTC để chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[4]. Về chi phí tố tụng: Căn cứ vào Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí, nên cần buộc bị đơn ông H1, bà H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 292, 293, 298, 299, 318, 319, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015; các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Buộc ông Mai Văn H1 và bà Trần Thị Thu H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tính đến ngày 21/8/2024 số tiền là: 2.968.275.044 đồng (Hai tỷ, chín trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc 2.455.499.829 đồng (Hai tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn 112.332.854 đồng (Một trăm mười hai triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm năm mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn: 400.442.361 đồng (Bốn trăm triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi một đồng), theo Hợp đồng tín dụng 3395.22.510.17361917.TD ngày 15/4/2022 cùng văn bản nhận nợ số LD2218298203, ngày 01/7/2022; Văn bản nhận nợ số LD2303065454, ngày 30/01/2023; Văn bản nhận nợ số LD2214450987, ngày 24/05/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trong trường hợp ông Mai Văn H1 và bà Trần Thị Thu H không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 532, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 936021, số vào sổ cấp GCN: CS 03274 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/11/2020, đứng tên ông Mai Văn V và bà Đỗ Thị H2. Việc thế chấp đã được ông Mai Văn V, bà Đỗ Thị H2 và M2 ký Hợp đồng thế chấp số 19080.22.510.17361917.BĐ ngày 15/4/2022 được công chứng tại Phòng C tỉnh Quảng Bình.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 531, tờ bản đồ số 10, diện tích 210,7m², địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 936020, số vào sổ cấp GCN: CS 032734 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Q cấp ngày 20/11/2020 đứng tên ông Mai Văn H1. Việc thế chấp đã được Mai Văn H1 và M2 ký Hợp đồng thế chấp số 19077.22.510.17361917.BĐ ngày 24/02/2022 được công chứng tại Phòng C tỉnh Quảng Bình.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Mai Văn H1 và bà Trần Thị Thu H phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Mai Văn H1 và bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 91.365.500 đồng (Chín mươi một triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần Q được nhận lại số tiền 43.872.000 đồng (Bốn mươi ba triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003809 ngày 01/4/2024.

5. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CHÂU MẠNH CƯỜNG